

NGHỊ QUYẾT

Về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 82/2001/NĐ-CP ngày 06/11/2001 của Chính phủ về nghi lễ Nhà nước và đón tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau khi xem xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến tham gia của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị; chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước bằng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có bảng quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản pháp luật*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Công báo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ(Khánh).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Anh Linh

MỨC CHI CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ, CHI TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỘI NGHỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15)

STT	Nội dung chi	Mức chi
A	CÔNG TÁC PHÍ	
I	Phụ cấp lưu trú	
	- Đi 02 ngày trở lên	Tối đa không quá 150.000 đồng/ngày
	- Đi và về trong ngày	Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính. Thủ trưởng cơ quan quyết định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.
II	Thanh toán tiền thuê phòng ngủ	
1	Thanh toán theo phương thức khoán	
	- Nghỉ tại các TP: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh	tối đa không quá 350.000 đồng/ngày/người
	- Nghỉ tại huyện thuộc TP trực thuộc TW, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh	tối đa không quá 250.000 đồng/ngày/người
	- Nghỉ tại các vùng còn lại	tối đa không quá 200.000 đồng/ngày/người
2	Thanh toán trên hoá đơn thực tế (có hoá đơn hợp pháp)	
2.1	Nghỉ tại các TP: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và thành phố đô thị loại I thuộc tỉnh	
	+ Đối với lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3	Tối đa không quá 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng
	+ Chức danh cán bộ công chức còn lại	
	. Thanh toán theo đoàn	Tối đa không quá 900.000 đồng/ngày/phòng 2 người

STT	Nội dung chi	Mức chi
	. Trường hợp đi một mình, lẻ người khác giới	Tối đa không vượt quá mức thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng)
2.2	Đi công tác tại các vùng còn lại	
	+ Đối với lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/ 1 phòng
	+ Chức danh cán bộ công chức còn lại	
	. Thanh toán theo đoàn	Tối đa không quá 600.000 đồng/ngày/phòng 2 người
	. Trường hợp đi một mình, lẻ người khác giới	Tối đa không vượt quá mức thuê phòng của những người đi cùng đoàn
2.3	Thanh toán khoản công tác phí theo tháng (trên 10 ngày)	
	- Cán bộ xã	300.000 đồng/tháng/người
	- Cán bộ thuộc các cơ quan đơn vị còn lại	300.000 đồng/tháng/người
B	CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho khách mời không hưởng lương	
1.1	Hỗ trợ tiền ăn cho khách mời không hưởng lương theo mức khoán	
	- Hội nghị tổ chức tại tỉnh	150.000 đồng/ngày/người
	- Hội nghị tổ chức tại huyện, thành phố	100.000 đồng/ngày/người
	- Hội nghị tổ chức tại xã	60.000 đồng/ngày/người
1.2	Mức chi tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương trong trường hợp tổ chức nấu ăn tập trung	
	- Hội nghị tổ chức tại tỉnh	195.000 đồng/ngày/người
	- Hội nghị tổ chức tại huyện, thành phố	130.000 đồng/ngày/người
	- Hội nghị tổ chức tại xã	78.000 đồng/ngày/người
2	Chi nước uống tổ chức hội nghị	30.000 đồng/ngày (2 buổi)/đại biểu

**CHẾ ĐỘ CHI TIÊU ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI, CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ,
HỘI THẢO VÀ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC**
(Kèm theo Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15)

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	MỨC CHI ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI	
1	Chi tặng hoa đón khách tại sân bay	200.000 đồng/1 người
2	Chi thuê chỗ ở (bao gồm cả ăn sáng)	
	- Đoàn khách hạng A	
	+ Trưởng đoàn	4.000.000 đồng/người/ngày
	+ Phó đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	2.500.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	
	+ Trưởng đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Phó đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	2.000.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	
	+ Trưởng đoàn	1.700.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	1.200.000 đồng/người/ngày
	- Khách mời quốc tế khác	500.000 đồng/người/ngày
3	Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (trưa và tối)	
	- Đoàn khách hạng A	800.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	540.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	400.000 đồng/người/ngày
	- Khách mời quốc tế khác	270.000 đồng/người/ngày
4	Tổ chức chiêu đãi (tổ chức 01 lần)	
	- Đoàn khách hạng A	800.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	540.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	400.000 đồng/người/ngày
5	Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc (tính 2 buổi làm việc)	
	- Đoàn khách hạng A	220.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	110.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	70.000 đồng/người/ngày

STT	Nội dung chi	Mức chi
6	Chi dịch thuật	
6.1	Trong trường hợp đi thuê phiên dịch	
	- Biên dịch	
	+ Tiếng Anh, hoặc tiếng khác của một nước thuộc EU sang Tiếng Việt	120.000 đồng/trang
	+ Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU	150.000 đồng/trang
	+ Các ngôn ngữ không phổ thông	
	. Dịch sang Tiếng Việt	156.000 đồng/trang
	. Tiếng Việt dịch sang ngôn ngữ không phổ thông	195.000 đồng/trang
	- Dịch nói	
	. Dịch nói thông thường	150.000 đồng/giờ/người
	. Dịch đũa	400.000 đồng/giờ/người
6.2	Sử dụng cán bộ của cơ quan, đơn vị thực hiện	tính bằng 50% mức biên, phiên dịch thuê ngoài
7	Chi tặng phẩm	
	- Đoàn khách hạng A	
	+ Trưởng đoàn	1.000.000 đồng/người
	+ Các thành viên khác	300.000 đồng/người
	- Đoàn khách hạng B	
	+ Trưởng đoàn	600.000 đồng/người
	+ Các thành viên khác	300.000 đồng/người
	- Đoàn khách hạng C	
	+ Trưởng đoàn	400.000 đồng/người
	+ Các thành viên khác	300.000 đồng/người
II	CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ (Các đoàn đàm phán về công tác biên giới lãnh thổ)	
	Chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia đàm phán	150.000 đồng/người/buổi
III	CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC	
1	Chi nước uống khi khách đến làm việc tại cơ quan đơn vị	20.000 đồng/người/ngày
2	Chi mời cơm	200.000 đồng/người/suất